

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

Báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng của Văn phòng Công ty	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Văn phòng Công ty	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng của Văn phòng Công ty	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty	10 - 29

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1603000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 3 năm 2006. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 6 được cấp ngày 28 tháng 3 năm 2017.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo các thiết bị của nhà máy thủy điện.

Công ty có trụ sở chính tại khu 8, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Công ty cũng có một chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trọng Hiền	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Quyền	Thành viên
Ông Hồ Văn Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương	Trưởng ban
Ông Phạm Hoàng Giang	Thành viên
Bà Trần Nguyễn Khánh Linh	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Quyền	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc

Bổ nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2018

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Quyền.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Văn phòng Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Văn phòng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Văn phòng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Văn phòng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Văn phòng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Văn phòng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập như được trình bày trong báo cáo tài chính. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 vào ngày 15 tháng 2 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 15 tháng 2 năm 2019

Số tham chiếu: 61201381/20159773-VP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Văn phòng Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà ("Văn phòng Công ty") được lập ngày 15 tháng 2 năm 2019 và được trình bày từ trang 5 đến trang 29, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Văn phòng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Building a better
working world

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty. Công ty đã lập báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 15 tháng 2 năm 2019 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Lê Đức Trường
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0816-2018-004-1



Trần Thu Hà
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2499-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 2 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		581.092.972.643	423.227.403.307
110	I. Tiền	4	78.319.241.506	14.157.586.775
111	1. Tiền		27.259.241.506	14.157.586.775
112	2. Các khoản tương đương tiền		51.060.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		408.676.500.000	323.577.281.448
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.1	408.676.500.000	323.577.281.448
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		89.913.765.994	59.300.430.495
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	79.632.459.686	50.683.766.667
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		841.277.110	338.210.874
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	11.209.005.949	8.449.025.034
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(1.768.976.751)	(170.572.080)
140	IV. Hàng tồn kho	8	4.183.465.143	4.397.682.691
141	1. Hàng tồn kho		4.183.465.143	4.397.682.691
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	21.794.421.898
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		-	10.688.431.901
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	11.105.989.997
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		426.410.730.690	466.168.701.373
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		7.716.435.482	7.606.945.482
213	1. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	22	7.716.435.482	7.606.945.482
220	II. Tài sản cố định		339.392.405.260	377.246.079.667
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	322.350.078.046	359.789.606.837
222	Nguyên giá		1.448.135.437.896	1.443.437.380.692
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.125.785.359.850)	(1.083.647.773.855)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	17.042.327.214	17.456.472.830
228	Nguyên giá		20.635.322.400	20.635.322.400
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.592.995.186)	(3.178.849.570)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	5.2	78.430.000.000	81.169.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		81.169.000.000	81.169.000.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.739.000.000)	-
260	IV. Tài sản dài hạn khác		871.889.948	146.676.224
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		871.889.948	146.676.224
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.007.503.703.333	889.396.104.680

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		131.559.233.203	31.189.465.461
310	I. Nợ ngắn hạn		131.559.233.203	31.189.465.461
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	2.827.932.945	5.993.971.018
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.353.290.631	2.845.205.379
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1.225.392.596	-
314	4. Phải trả người lao động		10.421.570.172	10.427.859.234
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		2.249.637.894	1.092.049.016
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	22	12.103.208.008	4.740.023.113
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	13	99.227.343.572	6.090.357.701
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	14	1.150.857.385	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		875.944.470.130	858.206.639.219
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	875.944.470.130	858.206.639.219
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		635.000.000.000	635.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		635.000.000.000	635.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		240.944.470.130	223.206.639.219
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		136.889.615.219	136.359.582.432
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		104.054.854.911	86.847.056.787
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.007.503.703.333	889.396.104.680



Nguyễn Trung Hiếu
Người lập



Lê Hồng Minh
Kế toán trưởng





Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 15 tháng 2 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.1	381.927.094.957	331.049.010.801
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.1	381.927.094.957	331.049.010.801
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	18	(129.210.191.745)	(118.713.690.461)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		252.716.903.212	212.335.320.340
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	33.426.098.202	25.069.169.100
22	7. Chi phí tài chính		(2.739.000.000)	(37.916.667)
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	(36.081.284.019)	(38.028.234.537)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		247.322.717.395	199.338.338.236
31	11. Thu nhập khác		1.150.739.384	4.440.672.860
32	12. Chi phí khác		(507.835.359)	(397.908.815)
40	13. Lợi nhuận khác		642.904.025	4.042.764.045
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		247.965.621.420	203.381.102.281
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21.1	(48.660.766.509)	(40.334.045.494)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		199.304.854.911	163.047.056.787

Nguyễn Trung Hiếu
Người lập

Lê Hồng Minh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 15 tháng 2 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		247.965.621.420	203.381.102.281
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định		44.139.681.232	43.957.092.677
03	Các khoản dự phòng/(hoàn nhập dự phòng)		2.739.000.000	(80.000.000)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(34.119.623.516)	(29.353.295.966)
06	Chi phí lãi vay		-	37.916.667
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		260.724.679.136	217.942.815.659
09	Tăng các khoản phải thu		(7.485.662.548)	(26.668.796.952)
10	Giảm hàng tồn kho		214.217.548	658.646.748
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		1.731.913.437	(8.719.380.059)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(725.213.724)	1.241.050.050
14	Tiền lãi vay đã trả		-	(37.916.667)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(47.488.788.480)	(43.108.181.232)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		21.580.000	178.660.370
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(2.196.169.569)	(3.744.983.727)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		204.796.555.800	137.741.914.190
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định (TSCĐ)		(4.506.559.557)	(2.454.990.588)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		897.725.000	4.426.581.818
23	Tiền chi mua đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		(408.676.500.000)	(323.736.828.648)
24	Tiền thu hồi đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		323.577.281.448	353.726.192.973
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(48.550.000.000)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		30.384.952.478	27.129.191.643
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(58.323.100.631)	10.540.147.198



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		-	5.000.000.000
34	Tiền trả nợ gốc vay		-	(5.000.000.000)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(82.311.800.438)	(158.353.575.780)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(82.311.800.438)	(158.353.575.780)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		64.161.654.731	(10.071.514.392)
60	Tiền đầu năm		14.157.586.775	24.229.101.167
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	78.319.241.506	14.157.586.775



Nguyễn Trung Hiếu
Người lập



Lê Hồng Minh
Kế toán trưởng





Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 15 tháng 2 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1603000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 3 năm 2006. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần gần nhất là lần thứ 6 được cấp ngày 28 tháng 3 năm 2017.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo các thiết bị của nhà máy thủy điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty có trụ sở chính tại khu 8, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Công ty cũng có một chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật.

Số lượng nhân viên của Văn phòng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là: 70 người (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 69 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty

Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập như được trình bày trong báo cáo tài chính. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính của Công ty (bao gồm Văn phòng Công ty và chi nhánh) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 vào ngày 15 tháng 2 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Văn phòng Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Văn phòng Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Văn phòng Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Văn phòng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho là nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Văn phòng Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Văn phòng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	9 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	10 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.8 Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác vào ngày kết thúc năm tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Văn phòng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Văn phòng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty thực hiện thanh toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được đánh giá lại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được đánh giá lại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.11 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Văn phòng Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Văn phòng Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Văn phòng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ (nếu có). Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu bán điện cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được xác định căn cứ theo Hợp đồng mua bán điện số 06/2012/HĐ-NMĐTĐB ngày 28 tháng 6 năm 2012 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 03 ngày 14 tháng 1 năm 2015 ký giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà và Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Văn phòng Công ty được xác lập.

3.13 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Văn phòng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Văn phòng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Văn phòng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào Văn phòng Công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Văn phòng Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Văn phòng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Văn phòng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.14 Thông tin theo bộ phận

Đặc thù của Công ty là hoạt động sản xuất kinh doanh điện chiếm trên 99% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Văn phòng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Văn phòng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	174.642.028	18.608.944
Tiền gửi ngân hàng	27.084.599.478	14.138.977.831
Khoản tương đương tiền (*)	51.060.000.000	-
TỔNG CỘNG	<u>78.319.241.506</u>	<u>14.157.586.775</u>

(*) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng bằng VND tại các ngân hàng thương mại với mức lãi suất từ 5%/năm đến 5,3%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

5.1 Đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	408.676.500.000	408.676.500.000	323.577.281.448	323.577.281.448
TỔNG CỘNG	<u>408.676.500.000</u>	<u>408.676.500.000</u>	<u>323.577.281.448</u>	<u>323.577.281.448</u>

Tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng tại ngân hàng thương mại với mức lãi suất 5,8%/năm (đối với các khoản tiền gửi kỳ hạn 6 tháng) và từ 6,4%/năm đến 7,1%/năm (đối với các khoản tiền gửi kỳ hạn 12 tháng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN (tiếp theo)

5.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>				<i>Số đầu năm</i>			
	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (i)	0,6%	32.619.000.000	(2.739.000.000)	29.880.000.000	0,6%	32.619.000.000	-	32.619.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An (ii)	5%	48.550.000.000	-	(ii)	5%	48.550.000.000	-	(ii)
TỔNG CỘNG		81.169.000.000	(2.739.000.000)			81.169.000.000	-	

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty nắm giữ 0,6% quyền biểu quyết tương ứng 3.000.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng. Cổ phiếu của công ty này được giao dịch trên thị trường UPCOM trong năm 2018 với mức giá giao dịch bình quân vào ngày cuối có giao dịch trong tháng 12 năm 2018 là 9.960 VND/cổ phiếu.
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty nắm giữ 5% quyền biểu quyết tương ứng 200.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An. Công ty không đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại công ty này do cổ phiếu này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng	3.850.312.770	6.755.619.681
- Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Thí nghiệm điện	-	3.226.275.807
- Công ty TNHH Xây dựng Hưng Hải	2.519.715.223	3.019.715.223
- Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I	910.225.467	-
- Các công ty khác	420.372.080	509.628.651
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 22)	75.782.146.916	43.928.146.986
TỔNG CỘNG	79.632.459.686	50.683.766.667
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.768.976.751)	(170.572.080)

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu lãi tiền gửi	10.193.320.979	6.252.175.255
Tạm ứng cho nhân viên	10.000.000	10.000.000
Phải thu khác	1.005.684.970	2.186.849.779
TỔNG CỘNG	11.209.005.949	8.449.025.034

8. HÀNG TỒN KHO

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.978.602.884	-	4.118.293.085	-
Công cụ, dụng cụ	204.862.259	-	279.389.606	-
TỔNG CỘNG	4.183.465.143	-	4.397.682.691	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số dư đầu năm	649.743.636.449	772.346.353.061	15.886.920.785	5.343.015.852	117.454.545	1.443.437.380.692
- Mua trong năm	-	3.097.217.636	1.243.010.454	166.636.364	-	4.506.864.454
- Xây dựng cơ bản hoàn thành	2.157.895.103	-	-	-	-	2.157.895.103
- Hủy tài sản	(143.147.520)	-	-	-	-	(143.147.520)
- Thanh lý trong năm	-	(570.088.364)	(1.326.615.240)	(422.629.729)	-	(2.319.333.333)
- Tăng khác	-	-	495.778.500	-	-	495.778.500
Số dư cuối năm	651.758.384.032	774.873.482.333	16.299.094.499	5.087.022.487	117.454.545	1.448.135.437.896
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết</i>	3.752.018.775	298.287.247.069	9.637.590.469	4.781.120.249	-	316.457.976.562
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số dư đầu năm	453.159.561.494	612.545.210.032	12.927.077.119	4.949.268.569	66.656.641	1.083.647.773.855
- Khấu hao trong năm	21.700.904.469	21.463.013.419	603.786.714	122.381.028	10.003.032	43.900.088.662
- Hủy tài sản	(143.147.520)	-	-	-	-	(143.147.520)
- Thanh lý trong năm	-	(409.794.545)	(1.298.826.802)	(406.512.300)	-	(2.115.133.647)
- Tăng khác	-	-	495.778.500	-	-	495.778.500
Số dư cuối năm	474.717.318.443	633.598.428.906	12.727.815.531	4.665.137.297	76.659.673	1.125.785.359.850
Giá trị còn lại:						
Số dư đầu năm	196.584.074.955	159.801.143.029	2.959.843.666	393.747.283	50.797.904	359.789.606.837
Số dư cuối năm	177.041.065.589	141.275.053.427	3.571.278.968	421.885.190	40.794.872	322.350.078.046

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số dư đầu năm và cuối năm	20.558.322.400	77.000.000	20.635.322.400
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	-	77.000.000	77.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số dư đầu năm	3.104.828.730	74.020.840	3.178.849.570
Hao mòn trong năm	411.166.456	2.979.160	414.145.616
Số dư cuối năm	3.515.995.186	77.000.000	3.592.995.186
Giá trị còn lại:			
Số dư đầu năm	17.453.493.670	2.979.160	17.456.472.830
Số dư cuối năm	17.042.327.214	-	17.042.327.214

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán ngắn hạn	2.827.932.945	2.827.932.945	5.928.065.333	5.928.065.333
- Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn Ban Mai	1.425.600.000	1.425.600.000	-	-
- Công ty TNHH công nghệ Trung Sơn	732.600.000	732.600.000	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Thông minh	-	-	2.967.764.868	2.967.764.868
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Tự động hóa Năng lượng	-	-	1.384.020.000	1.384.020.000
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	669.732.945	669.732.945	1.576.280.465	1.576.280.465
Phải trả cho các bên liên quan	-	-	65.905.685	65.905.685
TỔNG CỘNG	2.827.932.945	2.827.932.945	5.993.971.018	5.993.971.018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh 21.2)	(537.852.579)	48.660.766.509	47.488.788.480	634.125.450
Thuế giá trị gia tăng	(10.688.431.901)	40.110.647.118	29.059.130.603	363.084.614
Thuế thu nhập cá nhân	(881.006.202)	1.627.210.777	720.487.154	25.717.421
Thuế tài nguyên	(9.687.131.216)	37.915.702.342	28.026.106.015	202.465.111
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	4.825.493.000	4.825.493.000	-
Thuế khác	-	212.783.436	212.783.436	-
TỔNG CỘNG	(21.794.421.898)	133.352.603.182	110.332.788.688	1.225.392.596
<i>Trong đó:</i>				
Thuế phải nộp	-			1.225.392.596
Thuế phải thu	(21.794.421.898)			-

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ tức phải trả	95.404.042.064	151.962.690
Phí môi trường rừng	3.692.458.188	3.231.530.368
Chi phí thuê giảng viên và vận chuyển thiết bị	-	1.205.000.000
Chi phí ủng hộ xây dựng trường Tiểu học và THCS xã Cẩm Nhân	-	1.000.000.000
Khác	130.843.320	501.864.643
TỔNG CỘNG	99.227.343.572	6.090.357.701
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả ngắn hạn với bên khác	13.104.591.572	6.090.357.701
Phải trả ngắn hạn với bên liên quan (Thuyết minh số 22)	86.122.752.000	-

14. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Số đầu năm	-	729.443.634
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm (Thuyết minh số 15.1)	3.500.000.000	3.000.000.000
Sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm	(2.349.142.615)	(3.729.443.634)
Số cuối kỳ	1.150.857.385	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước			
Số dư đầu năm	635.000.000.000	203.178.886.045	838.178.886.045
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	163.047.056.787	163.047.056.787
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh số 14)	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
- Cổ tức công bố	-	(139.700.000.000)	(139.700.000.000)
- Thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách	-	(267.024.000)	(267.024.000)
- Điều chỉnh theo kết luận thanh tra của UBND tỉnh Yên Bái	-	(52.279.613)	(52.279.613)
Số dư cuối năm	<u>635.000.000.000</u>	<u>223.206.639.219</u>	<u>858.206.639.219</u>
Năm nay			
Số dư đầu năm	635.000.000.000	223.206.639.219	858.206.639.219
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	199.304.854.911	199.304.854.911
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh số 14)	-	(3.500.000.000)	(3.500.000.000)
- Cổ tức công bố (*)	-	(177.800.000.000)	(177.800.000.000)
- Thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách	-	(267.024.000)	(267.024.000)
Số dư cuối năm	<u>635.000.000.000</u>	<u>240.944.470.130</u>	<u>875.944.470.130</u>

(*) Bao gồm giá trị cổ tức đợt 2 từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2017 và giá trị tạm ứng cổ tức đợt 1 từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018.

Việc trích lập các quỹ, chia cổ tức đợt 2 và trích thù lao thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách từ lợi nhuận sau thuế năm 2017 được thực hiện theo Nghị quyết số 438/NQ-TĐTB-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 3 năm 2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018. Việc tạm ứng cổ tức đợt 1 từ lợi nhuận sau thuế năm 2018 được thực hiện theo Nghị quyết số 2199/NQ-TĐTB-HĐQT ngày 4 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng Quản trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

15.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	63.500.000	63.500.000	-	63.500.000	63.500.000	-
TỔNG CỘNG	63.500.000	63.500.000	-	63.500.000	63.500.000	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 10.000 VND/cổ phiếu).

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

Cổ đông	Đơn vị tính: VND	
	Vốn điều lệ đã góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh (công ty mẹ)	383.651.680.000	60,42%
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	190.500.000.000	30,00%
Các cổ đông khác	60.848.320.000	9,58%
TỔNG CỘNG	635.000.000.000	100%

15.3 Cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trong năm		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Tạm ứng cổ tức cho năm 2018 đợt 1: 1.500 VND/cổ phiếu	95.250.000.000	-
Cổ tức cho năm 2017 đợt 2: 1.300 VND/cổ phiếu	82.550.000.000	-
Tạm ứng cổ tức cho năm 2017 đợt 1: 1.200 VND/cổ phiếu	-	76.200.000.000
Cổ tức cho năm 2016 đợt 2: 1.000 VND/cổ phiếu	-	63.500.000.000
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm tài chính và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

15.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
Cổ phiếu đã được duyệt	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-	-	-

16. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	363	363
- Đô la Singapore (SGD)	-	-

17. DOANH THU

17.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	381.927.094.957	331.049.010.801
<i>Trong đó</i>		
<i>Doanh thu bán điện</i>	381.583.540.412	330.789.728.981
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	343.554.545	259.281.820
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	381.927.094.957	331.049.010.801
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	343.554.545	259.281.820
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 22)</i>	381.583.540.412	330.789.728.981

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. DOANH THU (tiếp theo)

17.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	27.876.098.202	22.666.555.500
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.550.000.000	2.400.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	2.613.600
TỔNG CỘNG	<u>33.426.098.202</u>	<u>25.069.169.100</u>

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của hoạt động bán điện	128.982.127.208	118.508.444.686
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	228.064.537	205.245.775
TỔNG CỘNG	<u>129.210.191.745</u>	<u>118.713.690.461</u>

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân công	15.667.236.334	13.717.220.642
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.052.896.303	2.219.915.946
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.351.681.882	9.885.344.592
Chi phí khác	10.009.469.500	12.205.753.357
TỔNG CỘNG	<u>36.081.284.019</u>	<u>38.028.234.537</u>

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.982.696.415	2.577.093.442
Chi phí nhân công	39.764.228.957	35.378.014.019
Chi phí khấu hao và hao mòn	44.139.681.232	43.957.092.677
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.892.936.586	12.305.038.038
Chi phí khác	65.511.932.574	62.524.686.822
TỔNG CỘNG	<u>165.291.475.764</u>	<u>156.741.924.998</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế Thu nhập Doanh nghiệp (“TNDN”) áp dụng cho Văn phòng Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Văn phòng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

21.1 Chi phí thuế TNDN

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	48.770.391.795	40.334.045.494
Điều chỉnh thuế trích thừa các năm trước	(109.625.286)	-
TỔNG CỘNG	<u>48.660.766.509</u>	<u>40.334.045.494</u>

21.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Văn phòng Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Văn phòng Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>247.965.621.420</u>	<u>203.381.102.281</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	49.593.124.285	40.676.220.456
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí hỗ trợ không được khấu trừ	160.000.000	-
Xử lý công nợ tồn đọng thuế TNCN	-	60.443.038
Chi phí không được khấu trừ khác	127.267.510	77.382.000
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	<u>(1.110.000.000)</u>	<u>(480.000.000)</u>
Chi phí thuế TNDN	<u>48.770.391.795</u>	<u>40.334.045.494</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Văn phòng Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	Doanh thu bán điện	381.583.540.412	330.789.728.981
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	Công ty mẹ	Cổ tức công bố	107.422.470.400	84.403.369.600
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn	Cổ tức công bố	53.340.000.000	41.910.000.000

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Văn phòng Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Văn phòng Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: không trích lập). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6)</i>				
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	Phải thu tiền bán điện	75.782.146.916	43.928.146.986
			75.782.146.916	43.928.146.986
<i>Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc</i>				
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Bà – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật	Chi nhánh	Cấp vốn kinh doanh Tài sản điều chuyển	1.000.000.000 6.716.435.482	1.000.000.000 6.606.945.482
			7.716.435.482	7.606.945.482
<i>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 13)</i>				
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	Công ty mẹ	Cổ tức phải trả	57.547.752.000	-
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn	Cổ tức phải trả	28.575.000.000	-
			86.122.752.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả nội bộ ngắn hạn				
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật	Chi nhánh	Doanh thu dịch vụ thu hộ	12.103.208.008	4.740.023.113
			12.103.208.008	4.740.023.113

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	2.117.356.854	1.438.689.608
TỔNG CỘNG	2.117.356.854	1.438.689.608

23. CÁC CAM KẾT

Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Văn phòng Công ty có khoản cam kết khoảng 2,4 tỷ VND chủ yếu liên quan đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm các máy móc, thiết bị mới phục vụ cho hoạt động sản xuất của Công ty.

24. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty.



Nguyễn Trung Hiếu
Người lập



Lê Hồng Minh
Kế toán trưởng





Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 15 tháng 2 năm 2019